

Số: 24 /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm b, đ, e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô;

Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-BKHCMNT ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Hội đồng nhân dân Thành phố; Các báo cáo, tờ trình tiếp thu, giải trình số 193/BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026, số 199/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026, số 209/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ của thành phố Hà Nội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

1. Một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật Thủ đô); thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số bằng các chính sách vượt trội tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Luật Thủ đô.

2. Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố; chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tại điểm đ khoản 2 Điều 18 của Luật Thủ đô.

3. Trường hợp giao trực tiếp đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án khoa học, công nghệ, có sử dụng ngân sách Thành phố tại điểm e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô.

4. Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô tại điểm b khoản 7 Điều 26 Luật Thủ đô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền của Thành phố; Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố; Quỹ Đầu tư phát triển của Thành phố.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố, thực hiện hoạt động phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kinh phí thực hiện được cấp toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước các cấp của thành phố Hà Nội, bao gồm:

a) *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố* sử dụng ngân sách cấp Thành phố, do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

b) *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở* quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác* có sử dụng ngân sách Thành phố không thuộc điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. *Chuyển giao không bồi hoàn* là việc Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tương ứng với phần ngân sách nhà nước đối với tài sản, kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân mà không yêu cầu tổ chức, cá nhân phải bồi hoàn chi phí cho Nhà nước.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ THỨC ĐẦY NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 4. Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô

Ngoài các lĩnh vực được quy định tại khoản 7 Điều 26 Luật Thủ đô, các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô bao gồm: đô thị thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến, công nghệ tài chính, công nghệ cao trong nông nghiệp, an toàn thực phẩm, công nghệ đường sắt đô thị, công nghệ robot, công nghệ chip bán dẫn, công nghệ lượng tử, công nghệ bản sao số đô thị, công nghệ dữ liệu lớn, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghiệp văn hoá, mô hình kinh tế mới.

Điều 5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- a) Thuộc lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô hoặc danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;
- b) Giải quyết vấn đề thuộc danh mục các bài toán lớn của Thành phố Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trình tự, thủ tục quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.

3. Công nhận nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô không sử dụng ngân sách Thành phố:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Thành phố là nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô khi đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng tư vấn để thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị công nhận “nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm không sử dụng ngân sách Thành phố”. Chi phí tổ chức Hội đồng tư vấn được sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao cho Sở Khoa học và Công nghệ; được áp dụng định mức chi của Hội đồng đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 6. Các trường hợp giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Thành phố

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.
2. Nhiệm vụ giải quyết vấn đề thuộc danh mục các bài toán lớn của Thành phố Hà Nội trên cơ sở công nghệ, thiết bị công nghệ, giải pháp công nghệ, phương pháp khoa học do tổ chức, doanh nghiệp làm chủ.
3. Nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp đề xuất có vốn đối ứng tối thiểu 50%.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hỗ trợ mua sắm, thuê, vận hành máy móc, thiết bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô

1. Doanh nghiệp, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô được ngân sách Thành phố hỗ trợ như sau:

a) Tối đa 100% kinh phí mua sắm hoặc thuê máy móc, thiết bị (bao gồm cả phần mềm, hệ thống công nghệ, hệ thống tích hợp kỹ thuật số phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ);

b) Tối đa 100% kinh phí vận hành máy móc, thiết bị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Kinh phí hỗ trợ mua sắm, thuê vận hành máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ thực hiện nhiệm vụ được tính trong tổng dự toán thực hiện nhiệm vụ và được quản lý, cấp kinh phí theo quy định về quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố.

Điều 8. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố được áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và phương thức khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu theo quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Trình tự, thủ tục áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô.

3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp và thanh toán, quyết toán căn cứ trên kết quả, sản phẩm theo nội dung nghiên cứu và sản phẩm cuối cùng hoàn thành theo tiến độ.

4. Khi hoàn thành nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đạt được kết quả theo chỉ tiêu chất lượng đã cam kết, phần kinh phí khoán chi chưa sử dụng hết sẽ không bị thu hồi. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có quyền quyết định việc sử dụng phần kinh phí này cho các hoạt động khoa học và công nghệ khác của đơn vị, chỉ khen thưởng cho các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Định mức chi lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở, nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác:

a) Cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở, nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác quy định cụ thể định mức chi lập dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ để áp dụng chung cho các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt. Định mức chi khoán được áp dụng tối đa bằng 70% định mức quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này để lập dự toán các nội dung được khoán chi;

b) Khi lập dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì

được quyền đề xuất mức chi thấp hơn mức quy định. Các định mức chi không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố:

a) Định mức chi khoán để lập dự toán các nội dung được khoán chi được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này. Biểu mẫu lập dự toán theo quy định tại Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô;

b) Khi lập dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì được quyền đề xuất mức chi thấp hơn mức quy định. Các định mức chi không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định hiện hành.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô:

a) Tổ thẩm định kinh phí xác định tổng dự toán kinh phí khoán thực hiện được điều chỉnh với hệ số k tối đa bằng 5 (năm) (không bao gồm kinh phí khoán chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo phục vụ trực tiếp nhiệm vụ);

b) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hệ số k lớn hơn 5 (năm) và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể tiêu chí xác định hệ số k.

Điều 10. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố; định mức chi hoạt động các Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Tổ công tác, Hội đồng tư vấn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo)

1. Nội dung, định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung, định mức chi hoạt động các Ban chỉ đạo:

a) Chi họp Ban chỉ đạo định kỳ và đột xuất:

Ban chỉ đạo cấp Thành phố được áp dụng định mức chi Hội đồng tư vấn xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

Ban chỉ đạo cấp xã, Ban chỉ đạo do Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập được áp dụng định mức chi bằng 50% định mức chi của Ban chỉ đạo cấp Thành phố;

b) Chi chế độ đãi ngộ đặc thù đối với thành viên Ban chỉ đạo là chuyên gia trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết này;

c) Chi hành chính, các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Ban chỉ đạo: thực hiện theo quy định hiện hành phù hợp với nội dung chi.

3. Cơ quan thường trực, cơ quan được giao chủ trì hoạt động các Ban chỉ đạo có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 11. Chế độ, chính sách ưu đãi đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng (sau đây gọi tắt là chuyên gia) tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố

1. Chuyên gia trong nước và nước ngoài được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi quy định tại Điều này khi được mời tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ của Thành phố sau đây:

a) Đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành; công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Thủ đô;

b) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố; mời tham gia tư vấn, hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ hoặc tham gia dự án đổi mới sáng tạo, không yêu cầu phải làm việc toàn thời gian;

c) Tham dự hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học.

2. Chuyên gia ký hợp đồng làm việc với các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố được áp dụng cơ chế thỏa thuận theo hợp đồng đối với mức tiền lương, tiền công, thu nhập tương xứng với trình độ, năng lực và hiệu quả công việc, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công thuê chuyên gia được xác định trên cơ sở: nội dung công việc do chuyên gia thực hiện; trình độ, năng lực của chuyên gia theo lý lịch khoa học; mức thu nhập hiện tại của chuyên gia; được tham khảo mức thu nhập tại nước sở tại hoặc thông lệ quốc tế và mức lương của các vị trí tương đương trong các tổ chức nước ngoài hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài trong cùng lĩnh vực. Tiền lương, tiền công thuê chuyên gia có thể tính theo thời gian hoặc trọn gói theo công việc;

b) Hỗ trợ chi phí đi lại, lưu trú trong thời gian làm việc, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học bao gồm: vé máy bay khứ hồi hạng thương gia, chi phí visa (nếu có); chi phí đi lại tại Hà Nội hoặc tại địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo; thuê khách sạn mức 4 - 5 sao hoặc thuê nhà ở (nếu lưu trú trên một tháng tại Hà Nội) với mức hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/tháng. Khoản hỗ trợ chi phí đi lại, lưu trú được tính trọn gói;

c) Hỗ trợ thiết bị làm việc, thư ký, dịch thuật, tư liệu chuyên sâu: Thanh toán theo thực tế, không vượt quá 15% tổng kinh phí chi trả cho chuyên gia.

3. Chuyên gia được ưu tiên hưởng các thu nhập theo hiệu quả công việc và các khoản thưởng đột xuất theo quy định của Thành phố và Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua khen thưởng của đơn vị ký hợp đồng với chuyên gia.

4. Các chế độ, chính sách ưu đãi khác:

a) Được tạo điều kiện tiếp cận trang thiết bị, phòng thí nghiệm hiện đại của Thành phố và các cơ sở nghiên cứu liên kết;

b) Hỗ trợ toàn bộ các chi phí tham dự hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ;

c) Được tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, xuất nhập cảnh (đối với người nước ngoài) và các vấn đề liên quan khác;

d) Thành viên gia đình của chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành (bao gồm cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được chính quyền địa phương, cơ quan quản lý và các cơ quan chức năng tạo điều kiện, hỗ trợ về thủ tục khi tìm kiếm việc làm và tuyển sinh, học tập tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội;

đ) Các chế độ, chính sách ưu đãi khác theo quy định.

5. Đơn vị ký hợp đồng với chuyên gia được trực tiếp quyết định lựa chọn chuyên gia, thỏa thuận chế độ ưu đãi trong phạm vi dự toán được giao, trên cơ sở tiêu chí, tiêu chuẩn khung về chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định.

6. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với chuyên gia quy định tại Điều này được bố trí từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị ký hợp đồng với chuyên gia.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, tiêu chuẩn khung về chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng để thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi.

Điều 12. Chuyển giao không bồi hoàn tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố

1. Việc xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trường hợp tài sản trang bị gắn liền, không thể tách rời với kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, khi thực hiện chuyển giao hoặc thu hồi kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài sản trang bị được chuyển giao hoặc thu hồi cùng với kết quả.

2. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố mà trong hợp đồng đã ghi rõ Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng kết quả nhiệm vụ để phục vụ lợi ích của Nhà nước, phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ kết quả, sản phẩm nhiệm vụ và tài sản trang bị gắn liền, không thể tách rời với kết quả, sản phẩm nhiệm vụ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền giao tiếp nhận tài sản, kết quả, sản phẩm nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là đơn vị tiếp nhận kết quả).

4. Việc chuyển giao theo hình thức chỉ định cho một hoặc một số đơn vị tiếp nhận kết quả quy định tại khoản 3 Điều này theo thuyết minh nhiệm vụ hoặc theo yêu cầu của Thành phố được thực hiện như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định chuyển giao không bồi hoàn quyền quản lý, sử dụng kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho đơn vị tiếp nhận;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được quyết định chuyển giao không bồi hoàn, tổ chức chủ trì thực hiện bàn giao cho đơn vị tiếp nhận kết quả; gửi 01 biên bản bàn giao về Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi;

c) Trong thời hạn 10 ngày sau khi hoàn thành bàn giao, Sở Khoa học và Công nghệ đăng tải công khai thông tin về kết quả thực hiện việc chuyển giao không bồi hoàn kết quả, sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên Sàn điện tử của Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội, Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Việc chuyển giao theo hình thức phổ biến rộng rãi nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội về việc mời chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kèm theo hồ sơ có liên quan;

b) Thủ tục thực hiện chuyển giao được thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e và g khoản 7 Điều này.

6. Trường hợp sau 03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố, tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ theo quy định tại khoản 11 Điều này và có tổ chức khác có nhu cầu nhận chuyển giao thì Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thu hồi và giao cho tổ chức có nhu cầu để tiếp tục phát triển, ứng dụng. Trong trường hợp này, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được nhận chuyển giao không bồi hoàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định các trường hợp cần thu hồi sớm hơn thời hạn 03 năm để bảo đảm kịp thời triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Việc thu hồi kết quả nhiệm vụ và chuyển giao cho đơn vị khác quy định tại khoản 6 Điều này được thực hiện như sau:

a) Căn cứ báo cáo ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ, nếu tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo gửi tới tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc tổ chức thu hồi kết quả, sản phẩm nhiệm vụ. Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội về việc triển khai mời chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kèm theo hồ sơ có liên quan;

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội tổ chức đăng tải công khai thông báo mời đơn vị đăng ký nhận chuyển giao không bồi hoàn kết quả, sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên Sàn điện tử của Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội, Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ. Thời hạn đăng tải tối thiểu là 30 ngày;

c) Tổ chức có nhu cầu nhận chuyển giao không bồi hoàn kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi văn bản đề xuất về Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội kèm theo hồ sơ năng lực và phương án ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm để phục vụ quản lý, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc thời gian đăng tải, nếu nhận được văn bản đề xuất chuyển giao của tổ chức có nhu cầu, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội tổ chức đánh giá năng lực và phương án ứng dụng, phát triển của tổ chức đề xuất. Trường hợp cần thiết, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội có thể thuê chuyên gia độc lập, thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ. Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội gửi kết quả đánh giá hồ sơ và ý kiến của Hội đồng tư vấn (nếu có) về Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được kết quả đánh giá hồ sơ từ Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội, Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định chuyển giao không bồi hoàn nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức đề xuất nếu hồ sơ không đáp ứng yêu cầu;

e) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được quyết định chuyển giao không bồi hoàn của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì bàn giao kết quả, sản phẩm cho tổ chức đề xuất với sự chứng kiến của đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội;

g) Trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm hoàn thành bàn giao, Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội đăng tải công khai thông tin về kết quả thực hiện việc chuyển giao không bồi hoàn kết quả, sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên Sàn điện tử của Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội, Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

8. Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội xây dựng chi tiết tiêu chí và thang điểm để đánh giá hồ sơ năng lực của đơn vị đề xuất nhận chuyển giao không bồi hoàn trên các phương diện:

a) Phương án ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm để phục vụ quản lý, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô có tính khả thi;

b) Đội ngũ nhân lực đáp ứng cả về số lượng và chất lượng;

c) Cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

d) Năng lực tài chính của tổ chức;

đ) Lĩnh vực hoạt động và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với kết quả, sản phẩm nhận chuyển giao. Tổ chức đề xuất là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được cộng đồng ưu tiên;

e) Các tiêu chí khác.

9. Trường hợp có nhiều tổ chức gửi hồ sơ đề xuất nhu cầu tiếp nhận chuyển giao không bồi hoàn kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà kết quả đó không thể chuyển giao đồng thời cho nhiều đơn vị cùng sử dụng thì ưu tiên chuyển giao cho đơn vị có kết quả chấm điểm cao hơn khi đánh giá hồ sơ. Trường hợp có

nhiều đơn vị bằng điểm nhau thì lựa chọn đơn vị có điểm tiêu chí thành phần cao hơn, xét lần lượt từng tiêu chí theo thứ tự tại khoản 8 Điều này.

10. Kinh phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ, thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng và đại biểu tham dự được áp dụng mức chi bằng định mức chi Hội đồng tư vấn xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

11. Việc không triển khai ứng dụng kết quả, nhiệm vụ của tổ chức chủ trì được xác định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không tổ chức ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại bất cứ địa chỉ ứng dụng nào nêu tại thuyết minh được phê duyệt của nhiệm vụ;

b) Nhiệm vụ theo thuyết minh được phê duyệt phải tổ chức chuyển giao, nhân rộng trên một số địa bàn của thành phố Hà Nội nhưng không thực hiện.

12. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc áp dụng các biểu mẫu trong quá trình chuyển giao không bồi hoàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở, nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác, việc chuyển giao không bồi hoàn tài sản, kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 đến khoản 12 Điều này, trong đó, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thực hiện các thẩm quyền như của Sở Khoa học và Công nghệ trong quy trình, thủ tục thực hiện chuyển giao.

14. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ và tổ chức nhận chuyển giao sau khi nhận chuyển giao không bồi hoàn tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ và tổ chức nhận chuyển giao quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng, tổ chức khai thác tài sản nhận được, tiếp tục đầu tư để thương mại hóa bảo đảm hiệu quả. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức nhận chuyển giao trong quá trình ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm;

b) Tổ chức nhận chuyển giao quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện quản lý, sử dụng tài sản, kết quả theo quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, tổ chức báo cáo tình hình nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hoặc thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chuyển giao về Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội; chủ động báo cáo kịp thời về việc không có khả năng ứng dụng triển khai kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thu hồi sớm trước thời hạn 03 năm để tổ chức bàn giao cho tổ chức khác có nhu cầu.

Chương III
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
TRONG LĨNH VỰC TRỌNG ĐIỂM VỀ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA THỦ ĐÔ

Điều 13. Điều kiện hỗ trợ

1. Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nhận chuyển giao công nghệ đáp ứng đầy đủ điều kiện sau:

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc có chi nhánh thực hiện nghĩa vụ thuế trên địa bàn thành phố Hà Nội;

b) Có cơ sở vật chất và đội ngũ nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với công nghệ chuyển giao; có phương án sản xuất kinh doanh khả thi để thương mại hóa sản phẩm từ công nghệ nhận chuyển giao;

c) Bảo đảm năng lực tài chính đối ứng; không nợ thuế, bảo hiểm xã hội; không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng pháp luật hoặc đang trong quá trình giải thể, phá sản.

2. Công nghệ được chuyển giao đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Thuộc lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô;

b) Không thuộc danh mục công nghệ hạn chế và cấm chuyển giao theo pháp luật về chuyển giao công nghệ;

c) Công nghệ được chuyển giao đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định;

d) Hợp đồng chuyển giao công nghệ phải được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; ưu tiên các công nghệ nhận chuyển giao được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ.

Điều 14. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí chuyển giao công nghệ, bao gồm chi phí tiếp nhận, mua công nghệ từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; chi phí chuyển giao công nghệ giữa các đơn vị trong nước hoặc quốc tế theo hợp đồng; chi phí sử dụng dịch vụ môi giới, trung gian và các chi phí chuyển giao công nghệ khác phù hợp pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tư vấn pháp lý liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm chi phí tư vấn định giá tài sản trí tuệ, tư vấn hợp đồng chuyển giao, hợp đồng mua bán công nghệ, xử lý tranh chấp và các dịch vụ chuyên môn liên quan.

3. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí phát triển mô hình kinh doanh, kết nối thị trường và xúc tiến thương mại hóa công nghệ, bao gồm hoàn thiện mô hình thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học; tư vấn chiến lược thị trường, kế hoạch mở rộng quy mô ứng dụng công nghệ.

4. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo nhân lực phục vụ hoạt động chuyên giao, mua và làm chủ công nghệ, bao gồm đào tạo chuyên sâu trong nước và ngoài nước về công nghệ, quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, thương mại hóa công nghệ và kỹ năng quản trị đổi mới sáng tạo.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục và quyết định mức hỗ trợ.

Điều 15. Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn được thành lập để thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, tham gia kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nội dung hỗ trợ tại Điều 14 của Nghị quyết này.

2. Tổ chức của Hội đồng tư vấn:

a) Hội đồng tư vấn có tối thiểu 07 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, ít nhất 02 Ủy viên phản biện, Ủy viên hội đồng;

b) Thành viên Hội đồng tư vấn bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan quản lý có liên quan;

c) Thành viên Hội đồng tư vấn không thuộc tổ chức đề nghị hỗ trợ.

3. Trách nhiệm của Hội đồng tư vấn:

a) Thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nội dung hỗ trợ tại Điều 14 của Nghị quyết này;

b) Tham gia giám sát định kỳ với vai trò đánh giá độc lập; khuyến nghị tiếp tục hoặc chấm dứt hỗ trợ trong các trường hợp đặc biệt.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn:

a) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, có đủ 02 bài nhận xét phản biện và bảo đảm tối thiểu 01 Ủy viên phản biện có mặt;

b) Hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

c) Các thành viên Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ bằng Phiếu đánh giá. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên ba phần tư (3/4) số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín và được thể hiện bằng biên bản họp;

d) Các thành viên hội đồng, thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá và kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất hỗ trợ.

5. Mức chi cho Hội đồng tư vấn được áp dụng bằng định mức chi Hội đồng tư vấn xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 16. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Kiểm tra, giám sát: Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nội dung theo hợp đồng hỗ trợ.

2. Xử lý vi phạm:

a) Trên cơ sở đánh giá của Hội đồng tư vấn, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định dừng hỗ trợ kinh phí và yêu cầu tổ chức phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần kinh phí ngân sách đã cấp tùy theo mức độ vi phạm trong các trường hợp sau:

- 1) Bị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;
- 2) Kê khai hồ sơ không trung thực;
- 3) Sử dụng kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích;
- 4) Không hoàn thành các nội dung theo tiến độ trong hợp đồng hỗ trợ trong 02 năm liên tiếp do nguyên nhân chủ quan;
- 5) Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét miễn, giảm nghĩa vụ hoàn trả kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc chấp nhận rủi ro trên cơ sở đánh giá của Hội đồng tư vấn trong trường hợp kết quả đánh giá 02 năm liên tiếp không đạt do rủi ro khách quan hoặc nguyên nhân bất khả kháng.

3. Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện Điều này.

Chương IV

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP ĐÓNG GÓP VÀO QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA THÀNH PHỐ

Điều 17. Nguyên tắc đóng góp

1. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được đóng góp một phần hoặc toàn bộ quỹ phát triển khoa học và công nghệ vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố.

2. Việc đóng góp dựa trên nguyên tắc tự nguyện, không bắt buộc.

Điều 18. Chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố được hưởng các chính sách hỗ trợ sau:

1. Thành phố ưu tiên hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần số tiền đã đóng góp khi triển khai thực hiện dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của chính doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp (tùy theo nhu cầu của doanh nghiệp).

2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố.

3. Hưởng lãi suất cho vay tối thiểu khi vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện các dự án đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các quy định về cho vay tại Quỹ Đầu tư phát triển.

4. Hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện các dự án, đề án ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo:

a) Việc hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện thông qua Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Mức hỗ trợ lãi suất vay được xác định bằng 50% lãi suất cho vay theo hợp đồng cho vay đã ký kết giữa tổ chức tín dụng và doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, nhưng không quá 6%/năm;

c) Thời hạn hỗ trợ lãi suất vay đối với khoản vay được tính từ thời điểm Quỹ quyết định giải ngân khoản hỗ trợ lãi suất vay đầu tiên đến khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với tổ chức tín dụng, nhưng không quá 05 năm và phải còn tối thiểu 12 tháng thời hạn vay tính đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với tổ chức tín dụng.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Điều 19. Hội đồng tư vấn

1. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn để thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, kiểm tra, giám sát định kỳ, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nội dung hỗ trợ tại các khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 18 Nghị quyết này.

2. Hội đồng tư vấn và mức chi áp dụng theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 15 Nghị quyết này.

Điều 20. Kiểm tra, giám sát và hoàn trả các khoản hỗ trợ

1. Kiểm tra, giám sát: định kỳ hằng năm, tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nội dung theo hợp đồng hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 18 Nghị quyết này.

2. Hoàn trả các khoản hỗ trợ:

a) Trên cơ sở đánh giá của Hội đồng tư vấn, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định dừng hỗ trợ kinh phí và yêu cầu tổ chức phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần kinh phí ngân sách đã cấp tùy theo mức độ vi phạm trong các trường hợp sau:

1) Kê khai hồ sơ không trung thực;

2) Sử dụng kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích, thực hiện không đúng theo nội dung hợp đồng hỗ trợ;

3) Không hoàn thành các nội dung theo tiến độ trong hợp đồng hỗ trợ trong 02 năm liên tiếp;

4) Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định của Thành phố.

b) Trường hợp không hoàn thành các nội dung theo tiến độ trong hợp đồng hỗ trợ do rủi ro khách quan hoặc nguyên nhân bất khả kháng, việc xem xét miễn, giảm nghĩa vụ hoàn trả kinh phí hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện Điều này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi

1. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ và thực hiện chế độ báo cáo, chấp hành kiểm tra, giám sát, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Sử dụng các khoản ưu đãi, hỗ trợ đúng mục đích, đối tượng theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ đối với trường hợp sử dụng sai mục đích, vi phạm các quy định của Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Tổ chức và ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đề xuất hỗ trợ.

3. Quyết định việc thuê tư vấn độc lập hoặc lấy ý kiến chuyên gia trong trường hợp cần thiết để bảo đảm đánh giá khách quan, chính xác và đúng quy định pháp luật. Kết quả thẩm định hoặc trưng cầu ý kiến là căn cứ để xem xét, quyết định hỗ trợ, thu hồi kinh phí hỗ trợ.

4. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định đã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định không phù hợp với Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện.

Điều 23. Giám sát thi hành Nghị quyết

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng và triển khai thực hiện Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc quản lý, cấp phát, sử dụng, thanh toán, quyết toán và thu hồi kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước cho đến khi Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội được thành lập và được cấp kinh phí hoạt động.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được quyết định phê duyệt nhiệm vụ trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục triển khai theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ và kết quả của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thì việc xử lý được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Các dự án đang trong quá trình nhận hỗ trợ hằng năm từ Sở Khoa học và Công nghệ khi chuyển giao sang Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội sẽ được kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, không phải thực hiện lại thủ tục thẩm định từ đầu.

5. Các quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục triển khai theo các quy định có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban KH&CN&MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC CHI KHOẢN LẬP DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
1	Thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
a	Thù lao chủ nhiệm nhiệm vụ	400 triệu đồng/nhiệm vụ.
b	Thù lao thư ký khoa học	120 triệu đồng/nhiệm vụ.
c	Thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh	
	- Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	1.100 triệu đồng/nhiệm vụ.
	- Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ (Khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp)	2.200 triệu đồng/nhiệm vụ.
d	Hệ số điều chỉnh mức thù lao	
	- Mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên là mức chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông thường; đối với các nhiệm vụ có độ mới (chưa có tiền lệ, không có kết quả nghiên cứu trước đó để kế thừa), các nhiệm vụ có độ khó (cần chuyên gia) điều chỉnh với hệ số $k = 1.5$	
2	Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước	Theo thỏa thuận
3	Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược).	Mức khoán được xác định theo nhu cầu tại thuyết minh nhiệm vụ và giá niêm yết trên thị trường hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
4	Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học (bao gồm: họp tự đánh giá kết quả thực hiện và hỗ trợ công tác phí cho một số chuyên gia được mời tham gia)	500 triệu đồng/nhiệm vụ.
5	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu	100 triệu đồng/nhiệm vụ. Các nhiệm vụ được áp dụng hệ số điều chỉnh k cho mức chi thù lao thì cũng được áp dụng hệ số k tương ứng với Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu
6	Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Bằng 5% tổng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/nhiệm vụ
7	Chi khác (bao gồm: văn phòng phẩm, in ấn, photo, công tác phí trong nước):	100 triệu đồng/nhiệm vụ.

Phụ lục II
ĐỊNH MỨC CHI CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
1	Tổ chuyên gia rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách cấp Thành phố đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố	
	Tổ trưởng	5.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thành viên tổ	4.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
2	Hội đồng tư vấn xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố	
	a Chi họp Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	3.000.000 đồng/người/hội đồng
	Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên (ủy viên) HĐ	2.500.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký khoa học	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Đại biểu	500.000 đồng/người/hội đồng
b	Chi nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	1.500.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch HĐ, chuyên gia (ủy viên) phân biện	2.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Mua văn phòng phẩm, in ấn, nước uống và các chi phí cần thiết khác	2.000.000 đồng/hội đồng
3	Tổ thẩm định tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố	
	Tổ trưởng tổ thẩm định	5.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thành viên tổ thẩm định	4.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Đại biểu	500.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Mua văn phòng phẩm, in ấn, nước uống và các chi phí cần thiết khác	1.000.000 đồng/nhiệm vụ
4	Hội đồng đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố	
	a Chi họp Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	2.000.000 đồng/người/hội đồng
	Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên (ủy viên) HĐ	1.500.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký khoa học	700.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký hành chính	700.000 đồng/người/hội đồng
	Đại biểu	500.000 đồng/người/hội đồng
b	Chi nhận xét đánh giá	

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ùy viên) Hội đồng	1.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Mua văn phòng phẩm, in ấn, nước uống và các chi phí cần thiết khác	1.000.000 đồng/hội đồng
5	Tổ chuyên gia; thuê chuyên gia độc lập; thuê tổ chức tư vấn độc lập đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố	
a	Chi hợp Tổ chuyên gia	
	Tổ trưởng	3.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thành viên Tổ	2.500.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thư ký khoa học	1.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Đại biểu	500.000 đồng/người/nhiệm vụ
b	Chi nhận xét đánh giá của thành viên Tổ chuyên gia	2.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét
c	Mua văn phòng phẩm, in ấn, nước uống và các chi phí cần thiết khác	2.000.000 đồng/nhiệm vụ
d	Chi thuê chuyên gia độc lập	5.000.000 đồng/người/nhiệm vụ
e	Chi tổ chức tư vấn độc lập	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV. Dự toán thuê tổ chức tư vấn độc lập dựa trên số lượng chuyên gia tư vấn cần thiết và mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.
6	Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố; Hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ Thành phố	
a	Chi hợp Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	3.000.000 đồng/người/hội đồng
	Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên (ùy viên) HĐ	2.500.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký khoa học	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Đại biểu	500.000 đồng/người/hội đồng
b	Chi nhận xét đánh giá	

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ùy viên) Hội đồng	2.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Mua văn phòng phẩm, in ấn, nước uống và các chi phí cần thiết khác	1.000.000 đồng/hội đồng
7	Chi đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	
<i>a</i>	<i>Chi họp Đoàn đánh giá</i>	
	Trưởng đoàn	3.000.000 đồng/01 người/01 Đoàn đánh giá
	Thành viên	2.500.000 đồng/01 người/01 Đoàn đánh giá
	Thư ký khoa học	1.000.000 đồng/01 người/01 Đoàn đánh giá
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/01 người/01 Đoàn đánh giá
	Đại biểu được mời tham dự	500.000 đồng/01 người/01 Đoàn đánh giá
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Đoàn đánh giá	2.000.000 đồng/01 người/01 phiếu nhận xét
<i>c</i>	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Đoàn đánh giá	3.000.000 đồng/01 người/01 Đoàn đánh giá hoặc 01 lượt tư vấn
8	Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV. Dự toán thuê tổ chức tư vấn độc lập dựa trên số lượng chuyên gia tư vấn cần thiết và mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.
9	Chi Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố	
<i>a</i>	<i>Chi họp Hội đồng</i>	
	Chủ tịch	3.000.000 đồng/01 người/01 nhiệm vụ
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ùy viên) Hội đồng	2.500.000 đồng/01 người/01 nhiệm vụ
	Thư ký khoa học	1.000.000 đồng/01 người/01 nhiệm vụ
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/01 người/01 nhiệm vụ

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
	Đại biểu được mời tham dự	500.000 đồng/01 người/01 nhiệm vụ
b	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	1.500.000 đồng/01 người/01 phiếu nhận xét
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên (ủy viên, chuyên gia) phản biện	2.000.000 đồng/01 người/01 phiếu nhận xét
10	Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập thẩm định chương trình khoa học và công nghệ của Thành phố; đánh giá chương trình khoa học và công nghệ của Thành phố	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV. Dự toán thuê tổ chức tư vấn độc lập dựa trên số lượng chuyên gia tư vấn cần thiết và mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.
11	Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ công tác quản lý khoa học và công nghệ	
	Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	2.000.000 đồng/buổi
	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	700.000 đồng/buổi
	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	5.000.000 đồng/báo cáo;
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	3.000.000 đồng/báo cáo;
	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học:	500.000 đồng/thành viên/buổi.
12	Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác)	Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
13	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)